

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯƠNG THỊ HIỀN

**CÁC PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ
BIỂU THỊ QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP
HÀNH CHÍNH TIẾNG VIỆT**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI 2014

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LƯƠNG THỊ HIỀN

**CÁC PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ
BIỂU THỊ QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP
HÀNH CHÍNH TIẾNG VIỆT**

Chuyên ngành: Lí luận ngôn ngữ

Mã số: 62.22.01.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

- 1. PGS.TS. Đỗ Việt Hùng**
- 2. TS. Bùi Thị Minh Yến**

HÀ NỘI 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, minh bạch và chưa được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2014

Tác giả luận án

Lương Thị Hiền

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU

| | |
|--|----|
| 0.1. Tính cấp thiết của đề tài..... | 1 |
| 0.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu..... | 2 |
| 0.3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 0.4. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu..... | 10 |
| 0.5. Phương pháp nghiên cứu | 10 |
| 0.6. Đóng góp của luận án..... | 11 |
| 0.7. Bố cục của luận án | 12 |

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

| | |
|---|----|
| 1.1. KHÁI QUÁT VỀ GIAO TIẾP HÀNH CHÍNH VÀ GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH | 13 |
| 1.1.1. Về thuật ngữ giao tiếp hành chính..... | 13 |
| 1.1.2. Đặc điểm của giao tiếp pháp đình | 14 |
| 1.2. KHÁI QUÁT VỀ QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH | 21 |
| 1.2.1. Thuật ngữ <i>quyền lực</i> với tư cách một phạm trù khoa học xã hội..... | 21 |
| 1.2.2. Những hướng tiếp cận quyền lực trong giao tiếp pháp đình..... | 23 |
| 1.2.3. Hướng tiếp cận quyền lực trong giao tiếp pháp đình của luận án..... | 29 |
| 1.3. KHÁI QUÁT VỀ CÁC PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ BIỂU THỊ QUYỀN LỰC.... | 30 |
| 1.3.1. Phương tiện từ ngữ xưng hô và quyền lực..... | 30 |
| 1.3.2. Phương tiện từ vựng tình thái và quyền lực..... | 31 |
| 1.3.3. Phương tiện hành động ngôn từ và quyền lực | 32 |
| 1.4. TIỂU KẾT..... | 37 |

Chương 2

QUYỀN LỰC TRONG TƯƠNG TÁC PHÁP ĐÌNH TIẾNG VIỆT

| | |
|---|----|
| 2.1. CÁC BÌNH DIỆN TỔNG THỂ CỦA TƯƠNG TÁC PHÁP ĐÌNH VÀ QUYỀN LỰC..... | 38 |
|---|----|

| | |
|--|----|
| 2.1.1. Quyền lực và cấu trúc của tương tác pháp đình | 38 |
| 2.1.2. Quyền lực và phân phối lượt lời trong tương tác pháp đình..... | 41 |
| 2.1.3. Quyền lực và điều khiển chủ đề hội thoại trong tương tác pháp đình..... | 44 |
| 2.2. CẤU TRÚC CẶP TRAO ĐÁP VÀ QUYỀN LỰC TRONG TƯƠNG TÁC PHÁP ĐÌNH | 48 |
| 2.2.1. Cấu trúc cặp trao đáp | 48 |
| 2.2.2. Biểu hiện của quyền lực trong các dạng cấu trúc cặp trao đáp | 53 |
| 2.3. TIỂU KẾT | 64 |

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG TIỆN TỪ VỰNG BIỂU THỊ QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH TIẾNG VIỆT

| | |
|--|-----|
| 3.1. PHƯƠNG TIỆN TỪ NGỮ XUNG HÔ VÀ QUAN HỆ QUYỀN LỰC..... | 66 |
| 3.1.1. Khái quát về phương tiện từ ngữ xung hô..... | 66 |
| 3.1.2. Phương tiện từ ngữ xung hô của nhân vật giao tiếp có quyền lực cao... | 69 |
| 3.1.3. Phương tiện từ ngữ xung hô của nhân vật giao tiếp có quyền lực thấp... | 83 |
| 3.1.4. Hiện trạng sử dụng từ ngữ xung hô trong giao tiếp pháp đình từ góc độ quan hệ quyền lực giữa các nhân vật giao tiếp | 88 |
| 3.2. HIỆN TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH TỪ VỰNG VÀ ĐẤU TRANH QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH..... | 96 |
| 3.2.1. Khái quát về hiện tượng điều chỉnh từ vựng và đấu tranh quyền lực trong giao tiếp pháp đình..... | 96 |
| 3.2.2. Một số biểu hiện của hiện tượng điều chỉnh từ vựng và đấu tranh quyền lực trong giao tiếp pháp đình tiếng Việt..... | 99 |
| 3.3. TIỂU KẾT | 106 |

Chương 4

HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ BIỂU THỊ QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH TIẾNG VIỆT

| | |
|--|-----|
| 4.1. NHẬN DIỆN HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ BIỂU THỊ QUYỀN LỰC TRONG GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH..... | 108 |
|--|-----|

| | |
|---|------------|
| 4.1.1. Các hành động ngôn từ biểu thị quyền lực trong giao tiếp pháp đình..... | 108 |
| 4.1.2. Phân loại các nhóm hành động ngôn từ đánh dấu mức độ quyền lực..... | 116 |
| 4.2. HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ HỎI CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ BIỂU THỊ QUAN HỆ QUYỀN LỰC..... | 135 |
| 4.2.1. Phân loại các nhóm hành động ngôn từ hỏi theo chức năng ngữ dụng..... | 135 |
| 4.2.2. Các nhóm hành động ngôn từ hỏi trong quan hệ với quyền lực..... | 137 |
| 4.3. TIỂU KẾT..... | 146 |
| KẾT LUẬN..... | 148 |
| CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ | |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | |
| PHỤ LỤC | |

DANH MỤC KÍ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Danh mục viết tắt tiếng Việt

| STT | Kí hiệu | Nội dung viết tắt |
|-----|----------------------|---|
| 1 | BTNH | biểu thức ngôn hành |
| 2 | HDNT | hành động ngôn từ |
| 3 | NLA1, NLA2... | ngữ liệu trích trong phiên tòa số 1, số 2... theo thứ tự vụ án trong phụ lục 1 |
| 4 | NVGT | nhân vật giao tiếp |
| 5 | PNH | phát ngôn hỏi |
| 6 | PTTN | phương tiện từ ngữ |
| 7 | PTTNXH | phương tiện từ ngữ xung hô |
| 8 | QL&NVLQ | quyền lợi và nghĩa vụ liên quan |

Danh mục viết tắt tiếng Anh

| STT | Kí hiệu | Từ ngữ tiếng Anh được viết tắt | Nội dung viết tắt |
|-----|------------|-----------------------------------|--|
| 1 | A | answer | bước thoại hỏi đáp |
| 2 | NP | non - power | nhân vật giao tiếp không có quyền lực hoặc quyền lực thấp |
| 3 | P | power | quyền lực/nhân vật giao tiếp có quyền lực |
| 4 | P1 | the first power | nhân vật giao tiếp có quyền lực cao bậc 1 |
| 5 | P2 | the second power | nhân vật giao tiếp có quyền lực cao bậc 2 |
| 6 | Q | question | bước thoại phát vấn |
| 7 | SP1 | speaker 1 | người nói thứ nhất |
| 8 | SP2 | speaker 2 | người nói thứ hai |

DANH MỤC CÁC BẢNG TRONG LUẬN ÁN

| Tên bảng | Trang |
|--|-------|
| 1. Bảng 1.1. Các vai giao tiếp trong giao tiếp pháp đình | 15 |
| 2. Bảng 1.2. 37 nhóm hành động ngôn từ theo cách phân loại của Wierbicka..... | 34 |
| 3. Bảng 1.3. Đặc trưng của năm nhóm HĐNT theo cách phân loại của Searle..... | 36 |
| 4. Bảng 2.1. Các cặp tương tác trong từng giai đoạn xử án | 38 |
| 5. Bảng 2.2. Phân phối lượt lời của các nhân vật giao tiếp..... | 41 |
| 6. Bảng 2.3. Tỷ lệ ngắt lời của chủ tọa trong 11 vụ án..... | 43 |
| 7. Bảng 2.4. Tỷ lệ câu hỏi của nhân vật giao tiếp có quyền lực cao..... | 47 |
| 8. Bảng 2.5. Tỷ lệ các dạng cấu trúc cặp trao đáp trong tương tác pháp đình | 52 |
| 9. Bảng 3.1. Các phương tiện từ ngữ xung hô trong giao tiếp pháp đình... | 66 |
| 10. Bảng 3.2. Mật độ phương tiện từ ngữ xung hô trên tổng số lượt lời của nhân vật giao tiếp..... | 67 |
| 11. Bảng 3.3. Tỷ lệ phương tiện từ ngữ tự xưng của nhân vật giao tiếp có quyền lực cao..... | 69 |
| 13. Bảng 3.4. Phạm vi tác động của hai tham biến đối với phương tiện từ ngữ chỉ ngôi thứ nhất của NVGT quyền lực cao | 70 |
| 12. Bảng 3.5. Tỷ lệ phương tiện từ ngữ hô gọi bị cáo..... | 74 |
| 13. Bảng 3.6. Tỷ lệ phương tiện từ ngữ hô gọi người bị hại (hoặc đại diện hợp pháp cho người bị hại), người làm chứng, người có QL&NVLQ..... | 75 |
| 14. Bảng 3.7. Tỷ lệ phương tiện từ ngữ hô gọi đại diện Viện kiểm sát và luật sư | 75 |
| 15. Bảng 3.8. Tỷ lệ phương tiện từ ngữ tự xưng của nhân vật giao tiếp có quyền lực thấp..... | 84 |
| 16. Bảng 3.9. Tỷ lệ phương tiện từ ngữ hô gọi của nhân vật giao tiếp có | |

| | |
|---|-----|
| quyền lực thấp..... | 86 |
| 17. Bảng 3.10. Sự không thống nhất trong sử dụng phương tiện từ ngữ hô gọi của Hội đồng xét xử..... | 89 |
| 18. Bảng 3.11. So sánh phương tiện từ ngữ hô gọi “ <i>bị cáo</i> ” trong giao tiếp pháp đình Việt Nam, Trung Quốc và các nước Anh - Mĩ..... | 91 |
| 19. Bảng 4.1. Hệ thống hành động ngôn từ của nhân vật giao tiếp theo vị thế quyền lực..... | 109 |
| 20. Bảng 4.2. Năm phạm trù hành động ngôn từ trong phát ngôn của P1, P2 và NP..... | 111 |
| 21. Bảng 4.3. Những động từ ngôn hành trong phát ngôn của P1, P2 và NP... | 113 |
| 22. Bảng 4.4. Nhóm hành động ngôn từ đặc thù theo vị thế quyền lực của nhân vật giao tiếp | 116 |
| 23. Bảng 4.5. Phân loại hành động ngôn từ đánh dấu quyền lực cao trong giao tiếp pháp đình..... | 117 |
| 24. Bảng 4.6. Phân loại hành động ngôn từ đánh dấu quyền lực thấp trong giao tiếp pháp đình..... | 130 |
| 25. Bảng 4.7. Tỷ lệ biểu thức ngôn hành Khai báo theo kích cỡ..... | 131 |
| 26. Bảng 4.8. Tỷ lệ cấu trúc mơ hồ hóa tình thái nhận thức..... | 132 |
| 27. Bảng 4.9. Tỷ lệ biểu thức ngôn hành chứa phương tiện từ vựng tình thái giảm nhẹ..... | 134 |
| 28. Bảng 4.10. Tỷ lệ các nhóm hành động ngôn từ hỏi và cấu trúc cú pháp của phát ngôn hỏi..... | 136 |
| 29. Bảng 4.11. Mức độ biểu thị quyền lực của các nhóm hành động ngôn từ hỏi phân loại theo chức năng ngữ dụng | 146 |

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ TRONG LUẬN ÁN

| | Tên hình vẽ | Trang |
|----|--|--------------|
| 1. | Hình 1.1. Quan hệ vai giao tiếp trong giao tiếp pháp đình..... | 16 |
| 2. | Hình 2.1. Cấu trúc năm bậc của tương tác pháp đình..... | 40 |
| 3. | Hình 2.2. Chủ đề chung và các loại hình chủ đề trong tương tác pháp đình | 46 |
| 4. | Hình 3.1. Khoảng cách quyền lực tư pháp giữa Hội đồng xét xử và các bên liên quan..... | 74 |